

Số: 119/2020/QĐST-HNGĐ

*Hàm Thuận Bắc, ngày 27 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Trần Thanh T, sinh năm 1984.

**Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Thanh T và chị Huỳnh Thị T.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Kiều V, sinh ngày 21/10/2006; Trần Gia K, sinh ngày 08/6/2009. Anh Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000 đồng/tháng. Tổng cộng 02 con là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật

cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Thanh T tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Trần Thanh T số tiền 150.000 đồng do anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005851 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Chị Huỳnh Thị T tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Tâm**

